

TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GỐM XÂY DỰNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA TIỀN SƠN

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
đã được kiểm toán*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 24
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn tiền thân là Công ty Granite Tiên Sơn là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi theo Quyết định số 1309/QĐ-BXD ngày 19/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Granite Tiên Sơn trực thuộc Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng thành Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Sinh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Sửu	Ủy viên
Ông Quách Hữu Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Vinh	Ủy viên
Ông Ngô Trọng Toán	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thế Vinh	Giám đốc
Ông Quách Hữu Thuận	Phó Giám đốc
Ông Trương Ngọc Minh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông Lưu Văn Lầu	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Đức Khanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 13/10/2010
Bà Nguyễn Thị Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13/10/2010
Ông Bùi Anh Dũng	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC, ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Thế Vinh

Giám đốc

Lập, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Số:/2011/BC.KTTC-AASC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn*

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám Đốc
Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn được lập ngày ngày 25 tháng 01 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 5 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Ngô Đức Đoàn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV
Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Hoàng Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0940/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		197.216.793.314	142.488.015.379
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	33.986.408.764	32.443.442.773
111 1. Tiền		33.986.408.764	32.443.442.773
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		74.072.618.999	62.031.008.177
131 1. Phải thu khách hàng		54.472.919.549	35.870.413.593
132 2. Trả trước cho người bán		1.581.964.607	254.032.262
133 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		11.574.865.062	17.984.894.867
135 5. Các khoản phải thu khác	4	6.442.869.781	7.921.667.455
140 IV. Hàng tồn kho	5	83.251.515.967	47.798.829.040
141 1. Hàng tồn kho		83.251.515.967	47.798.829.040
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		5.906.249.584	214.735.389
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.552.705.211	-
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	6	12.884.123	-
158 5. Tài sản ngắn hạn khác		340.660.250	214.735.389
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		349.480.958.192	261.300.942.925
220 II. Tài sản cố định		343.104.566.742	256.074.865.390
221 1. Tài sản cố định hữu hình	7	289.714.567.755	200.238.848.853
222 - Nguyên giá		425.580.760.540	310.826.285.956
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(135.866.192.785)	(110.587.437.103)
224 2. Tài sản cố định thuê tài chính	8	30.814.297.432	35.621.821.174
225 - Nguyên giá		36.847.561.965	36.181.326.874
226 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(6.033.264.533)	(559.505.700)
227 3. Tài sản cố định vô hình		22.575.701.555	20.214.195.363
228 - Nguyên giá		28.110.321.640	24.973.839.140
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.534.620.085)	(4.759.643.777)
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	1.300.000.000	3.300.000.000
258 3. Đầu tư dài hạn khác		1.300.000.000	3.300.000.000
260 V. Tài sản dài hạn khác		5.076.391.450	1.926.077.535
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.965.391.450	967.077.535
268 3. Tài sản dài hạn khác		1.111.000.000	959.000.000
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		546.697.751.506	403.788.958.304

TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GÓM XÂY DỰNG**Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn**

Khu Công nghiệp Tiên Sơn - tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		409.971.622.866	338.115.422.316
310	I. Nợ ngắn hạn		294.462.704.957	253.211.159.149
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	210.657.618.198	179.145.854.231
312	2. Phải trả người bán		63.154.028.073	56.042.614.604
313	3. Người mua trả tiền trước		1.294.053.460	488.988.526
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	7.321.623.925	9.343.914.919
315	5. Phải trả người lao động		3.626.751.940	2.625.233.254
316	6. Chi phí phải trả	14	4.239.107.732	1.772.091.049
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	4.077.203.829	3.790.862.566
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		92.317.800	1.600.000
330	II. Nợ dài hạn		115.508.917.909	84.904.263.167
333	3. Phải trả dài hạn khác		220.000.000	200.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	16	115.202.784.929	84.612.757.570
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		86.132.980	91.505.597
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		136.726.128.640	65.673.535.988
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	136.726.128.640	65.673.535.988
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		99.000.000.000	45.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		16.171.178.487	9.151.177.887
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		113.846.186	(705.889.989)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		4.417.818.521	1.611.129.729
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.166.263.853	432.503.364
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	56.930.848
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.857.021.593	10.127.684.149
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		546.697.751.506	403.788.958.304

*Lập, ngày 25 tháng 01 năm 2011***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc**

Ngô Thị Thảo

Ngô Trọng Toán

Nguyễn Thế Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	452.439.374.198	439.194.189.944
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	7.267.339.272	28.990.291.279
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	445.172.034.926	410.203.898.665
11	4. Giá vốn hàng bán	21	356.564.689.667	330.003.071.653
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		88.607.345.259	80.200.827.012
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.195.313.592	2.508.970.984
22	7. Chi phí tài chính	23	35.852.439.666	30.159.097.971
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		27.926.082.583	21.217.793.385
24	8. Chi phí bán hàng		22.343.181.468	26.399.824.557
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		9.704.292.970	8.112.018.534
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.902.744.747	18.038.856.934
31	11. Thu nhập khác		426.676.282	4.901.555.811
32	12. Chi phí khác		2.124.564.694	3.390.799.718
40	13. Lợi nhuận khác		(1.697.888.412)	1.510.756.093
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.204.856.335	19.549.613.027
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	5.292.222.169	4.874.403.257
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>15.912.634.166</u>	<u>14.675.209.770</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	2.400	3.261

Lập, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ngô Thị Thảo

Ngô Trọng Toán

Nguyễn Thế Vinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Năm 2010**Theo phương pháp gián tiếp*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		21.204.856.335	19.549.613.027
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		31.607.341.958	23.444.351.268
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(658.698.395)	(52.000.000)
06	- Chi phí lãi vay		27.926.082.583	21.217.793.385
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		80.079.582.481	64.159.757.680
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(17.885.125.017)	10.095.370.028
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(35.452.686.927)	27.739.674.732
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		9.581.334.399	(6.586.897.886)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(2.998.313.915)	1.267.942.240
13	- Tiền lãi vay đã trả		(27.164.934.929)	(24.015.514.088)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.595.101.719)	(1.849.538.297)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		76.712.730.510	712.959.835
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(62.733.849.262)	(1.029.572.516)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		16.543.635.621	70.494.181.728
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(91.125.219.439)	(11.438.999.773)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		603.085.822	63.265.624
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(88.522.133.617)	(11.375.734.149)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		61.020.000.600	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		456.776.062.659	279.737.489.793
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(436.199.291.085)	(313.043.697.403)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(3.570.022.102)	(1.030.394.675)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		73.526.750.072	(38.836.602.285)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.548.252.076	20.281.845.294
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		32.443.442.773	12.152.725.833
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.286.085)	(1.127.354)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		33.986.408.764	32.433.443.773

Lập, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ngô Thị Thảo

Ngô Trọng Toán

Nguyễn Thế Vinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2010***1 . THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn tiền thân là Công ty Granite Tiên Sơn là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi theo Quyết định số 1309/QĐ-BXD ngày 19/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Granite Tiên Sơn trực thuộc Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng thành Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Vốn điều lệ của Công ty là: 99 tỷ đồng

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh tại Thái Bình
- Chi nhánh tại Đà Nẵng
- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ

- KCN Tiên Hải, Thái Bình
- Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
- Q. Tân Bình, Tp. HCM

Hoạt động kinh doanh chính

- Sản xuất, kinh doanh gạch ốp lát
- Kinh doanh gạch ốp lát
- Kinh doanh gạch ốp lát

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 15.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, thương mại.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, theo Quyết định của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng về việc thành lập Chi nhánh Tổng công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng, Chi nhánh của Công ty tại Đà Nẵng được bàn giao và điều chuyển về Chi nhánh Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng từ ngày 31/08/2010.

Trong năm Công ty thành lập thêm chi nhánh tại Thái Bình trên cơ sở đầu tư mới Nhà máy Granite Viglacera Thái Bình bằng việc mua lại Nhà máy gạch Long Hậu và đầu tư thêm máy móc thiết bị. Đến thời điểm 01/11/2010 Nhà máy đã hoàn thành giai đoạn đầu tư, vận hành chạy thử và đi vào sản xuất kinh doanh. Chi nhánh đã tạo ra 23,5 tỷ đồng doanh thu trong giai đoạn vận hành chạy thử và 29,2 tỷ đồng doanh thu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.5 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hình thành từ đầu tư xây dựng cơ bản được ghi nhận theo chi phí xây dựng cơ bản thực tế tập hợp trên tài khoản 241 và thực hiện điều chỉnh khi có quyết định phê duyệt của Hội đồng quản trị về tổng giá trị vốn đầu tư hình thành tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	49 năm
- Giá trị thương hiệu	14 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty khác được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận nhận được do phân chia kết quả kinh doanh được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Các khoản phân phối được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.7 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí lãi vay được vốn hóa trong kỳ là 3,7 tỷ đồng.

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.10 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.11 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó.

2.12 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GÓM XÂY DỰNG**Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn**

Khu Công nghiệp Tiên Sơn - tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

2.14 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	148.834.857	888.900.507
Tiền gửi ngân hàng	524.575.130	1.341.020.253
Tiền đang chuyển	33.312.998.777	30.213.522.013
	33.986.408.764	32.443.442.773

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải thu CBCN về BHXH, BHYT, KPCĐ	136.857.602	75.623.280
Cho vay mượn vật tư	561.054.051	899.835.440
Thuế TNCN phải thu	71.522.831	9.173.793
Chi phí nghỉ mát phải thu	-	303.235.668
Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội (tiền hàng)	2.010.023.439	1.628.161.542
Công ty Sen vôi Viglacera (bù trừ công nợ Coma 25)	222.972.593	222.972.593
Công ty TNHH Quỳnh Phương (tiền hàng)	276.281.113	200.854.154
Công ty TNHH TM và PT Cao Bình (tiền hàng)	-	65.706.506
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Thái (tiền hàng)	11.076.136	118.907.206
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Viglacera	-	239.481.227
Công ty cho thuê tài chính ngân hàng Công thương	986.715.258	1.639.403.574
Công ty TNHH TM & DV Nguyễn Gia	354.285.056	-
Phải thu CN Tổng Công ty tại TP HCM	18.542.251	-
Phải thu người lao động	256.713.422	-
Phải thu khác	1.536.826.029	2.518.312.472
	6.442.869.781	7.921.667.455

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.511.548.193	10.015.315.015
Công cụ, dụng cụ	14.614.369.618	12.423.503.422
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.277.928.660	740.225.310
Thành phẩm	40.431.364.927	22.761.903.578
Hàng hóa	1.585.421.737	107.467.433
Hàng gửi đi bán	2.830.882.832	1.750.414.282
	83.251.515.967	47.798.829.040

TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GÓM XÂY DỰNG**Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn**

Khu Công nghiệp Tiên Sơn - tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	12.884.123	-
	12.884.123	-

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 1

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	35.443.813.662	737.513.212	36.181.326.874
Số tăng trong kỳ	-	666.235.091	666.235.091
- <i>Thuê tài chính trong kỳ</i>	-	666.235.091	666.235.091
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	35.443.813.662	1.403.748.303	36.847.561.965
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	535.969.700	23.536.000	559.505.700
Số tăng trong kỳ	5.456.999.701	76.125.239	5.533.124.940
- <i>Khấu hao TSCĐ trong kỳ</i>	5.397.633.594	76.125.239	5.473.758.833
- <i>Tăng khác</i>	59.366.107	-	-
Số giảm trong kỳ	-	59.366.107	59.366.107
- <i>Giảm khác</i>	-	59.366.107	59.366.107
Số dư cuối kỳ	5.992.969.401	40.295.132	6.033.264.533
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	34.907.843.962	713.977.212	35.621.821.174
Tại ngày cuối kỳ	29.450.844.261	1.363.453.171	30.814.297.432

TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GÓM XÂY DỰNG**Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn**

Khu Công nghiệp Tiên Sơn - tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	01/1900	Thương hiệu	Phần mềm máy vi	
	VND	VND	tính	-
			VND	VND
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu kỳ	3.000.000.000	5.000.000.000	-	3.136.482.500
Số tăng trong kỳ	-	-	136.482.500	-
- <i>Mua TSCĐ trong kỳ</i>	-	-	136.482.500	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.000.000.000	5.000.000.000	136.482.500	3.136.482.500
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	417.833.461	-	-	774.976.308
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	417.833.461	-	-	774.976.308
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	2.582.166.539	5.000.000.000	-	2.361.506.192
Tại ngày cuối kỳ	2.582.166.539	5.000.000.000	136.482.500	2.361.506.192

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất Viglacera	-	2.000.000.000
- Đầu tư vào Công ty cổ phần thương mại Viglacera	1.300.000.000	1.300.000.000
	1.300.000.000	3.300.000.000

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2010 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Hóa chất Viglacera	Hà Nội	0,66%	0,66%	KD VL XD
Công ty Cổ phần thương mại Viglacera	Hà Nội	3,33%	3,33%	KD VL XD

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Trong kỳ Công ty thực hiện chuyển nhượng 200.000 CP của Công ty Cổ phần Hóa chất Viglacera mà công ty nắm giữ cho Cổ đông sáng lập khác là Công ty CP Bê tông Xây dựng A&P với giá chuyển nhượng là 10.000 đ/CP theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 22/09/2010.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	859.080.627	470.387.243
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	2.974.439.917	256.648.821
Chi phí trả trước dài hạn khác	131.870.906	240.041.471
	3.965.391.450	967.077.535

TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GÓM XÂY DỰNG**Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn**

Khu Công nghiệp Tiên Sơn - tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	158.657.077.234	135.726.431.937
Vay ngân hàng ngắn hạn (VND)	110.654.575.069	114.805.160.681
- Ngân hàng Công thương KCN Tiên Sơn	55.203.980.139	25.962.774.061
- Ngân hàng NN&PTNT Từ Liêm	2.742.432.360	18.402.887.423
- Ngân hàng Ngoại thương Hà Nội	29.535.802.125	39.863.357.839
- Ngân hàng ĐT&PT Bắc Ninh	23.172.360.445	28.621.569.352
- Sở giao dịch NHTM CP Kỹ thương Việt Nam	-	1.954.572.006
Vay ngân hàng ngắn hạn (USD)	43.082.502.165	19.721.271.256
- Ngân hàng Công thương KCN Tiên Sơn	29.274.215.557	15.402.059.829
- Ngân hàng NN&PTNT Từ Liêm	1.037.770.032	1.515.714.885
- Ngân hàng Ngoại thương Hà Nội	8.054.886.548	1.352.751.400
- Ngân hàng ĐT&PT Bắc Ninh	4.715.630.028	1.450.745.142
Vay đối tượng khác	4.920.000.000	1.200.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	52.000.540.964	43.419.422.294
Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	34.961.740.964	33.423.952.964
- Ngân hàng Công thương KCN Tiên Sơn	6.600.000.000	21.000.000.000
- Ngân hàng ĐT&PT Bắc Ninh	5.800.000.000	5.800.000.000
- Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng CP Công thương VN	7.061.740.964	6.623.952.964
- Công ty CP Phát triển và Đầu tư Hà Nội	15.500.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (USD)	17.038.800.000	9.995.469.330
- Ngân hàng Công thương KCN Tiên Sơn	17.038.800.000	7.176.400.000
- Ngân hàng Ngoại thương Hà Nội	-	2.819.069.330
	210.657.618.198	179.145.854.231

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Đơn vị tính: 1.000.000 VND

Hợp đồng	Lãi suất (% năm)	Thời hạn vay (tháng)	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Phương thức đảm bảo khoản vay
Số 022010-NH Công thương KCN Tiên Sơn	14	8	100.000	84.478,20	Tín chấp
Số 02/2008 - NH ĐT&PT Bắc Ninh	10	9	33.000	27.887,99	Tín chấp
Số 02/2009 - NH Ngoại Thương Hà Nội	9,8	12	50.000	37.590,68	Tín chấp
Số 06/HĐTD- NH NN&PTNT Từ Liêm	10,5	12	21.000	3.780,20	Tín chấp
Vay đối tượng khác	Từng kỳ		4.920	4.920,00	
Cộng			208.920	158.657,07	

TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GÓM XÂY DỰNG**Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn**

Khu Công nghiệp Tiên Sơn - tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.855.836.286
Thuế xuất, nhập khẩu	271.980.216	78.563.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.049.643.709	5.352.523.259
Thuế thu nhập cá nhân	-	56.991.774
	7.321.623.925	9.343.914.919

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	3.848.862.054	508.551.840
Chi phí phải trả khác	390.245.678	1.263.539.209
	4.239.107.732	1.772.091.049

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	342.636.641	441.917.312
Bảo hiểm xã hội	157.786.658	1.402.888.813
Bảo hiểm y tế	87.321.926	-
Bảo hiểm thất nghiệp	10.934.523	-
Tạm ứng (dư có)	371.788.780	62.334.361
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.106.735.301	1.883.722.080
<i>Tiền bảo lãnh hợp đồng</i>	<i>871.025.000</i>	<i>872.025.000</i>
<i>Các khoản vay, tạm nhập vật tư</i>	<i>527.184.660</i>	<i>206.923.400</i>
<i>Chi phí vận tải phải trả của CN Miền Nam</i>	<i>762.472.766</i>	-
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>946.052.875</i>	<i>804.773.680</i>
	4.077.203.829	3.790.862.566

16 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay dài hạn	66.563.157.147	62.547.744.894
Vay ngân hàng (VND)	33.666.302.444	13.579.000.000
<i>Ngân hàng Công thương KCN Tiên Sơn</i>	<i>25.887.302.444</i>	-
<i>Ngân hàng ĐT&PT Bắc Ninh</i>	<i>7.779.000.000</i>	<i>13.579.000.000</i>
Vay ngân hàng (USD)	32.896.854.703	48.968.744.894
<i>Ngân hàng Công thương KCN Tiên Sơn</i>	<i>32.896.854.703</i>	<i>48.968.744.894</i>
Nợ dài hạn	48.639.627.782	22.065.012.676
<i>Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Hà Nội</i>	<i>31.000.000.000</i>	-
<i>Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam</i>	<i>17.639.627.782</i>	<i>22.065.012.676</i>
	115.202.784.929	84.612.757.570

TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GÓM XÂY DỰNG**Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn**

Khu Công nghiệp Tiên Sơn - tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ dài hạn:*Đơn vị tính: 1.000.000 VND*

Hợp đồng	Lãi suất (% năm)	Thời hạn vay (tháng)	Số dư nợ gốc	Số nợ gốc phả trả kỳ tới	Phương thức đảm bảo khoản
Số 02/HĐTD - NH CT KCN Tiên Sơn	10,5	120	82.422,96	23.638,80	Thế chấp
Số 03/HĐTD - NH ĐT&PT Bắc Ninh	10,5	120	13.579,00	5.800,00	Thế chấp
Công ty CP ĐT PT Hà Nội			24.701,36	7.061,74	
Công ty cho thuê TC NH			46.500,00	15.500,00	
Công thương VN					
Cộng			167.203,3	52.000,54	

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết Phụ lục 2.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2010</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>31/12/2009</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	50.490.000.000	51,0	22.950.000.000	51,0
Vốn góp của các đối tượng khác	48.510.000.000	49,0	22.050.000.000	49,0
	99.000.000.000	100,0	45.000.000.000	100,0

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	45.000.000.000	45.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	54.000.000.000	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	99.000.000.000	45.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	4.500.000.000	928.689.671
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	4.500.000.000

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.900.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.900.000	4.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.900.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.900.000	4.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.900.000	4.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu		

TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GÓM XÂY DỰNG**Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn**

Khu Công nghiệp Tiên Sơn - tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

e) Các quỹ của Công ty		
	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.417.818.521	1.611.129.729
Quỹ dự phòng tài chính	1.166.263.853	432.503.364
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	56.930.848
18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	452.439.374.198	439.194.189.944
	452.439.374.198	439.194.189.944
19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	690.932.654	472.127.357
Hàng bán bị trả lại	6.364.813.262	27.957.439.284
Giảm giá hàng bán	211.593.356	560.724.638
	7.267.339.272	28.990.291.279
20 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	445.172.034.926	410.203.898.665
	445.172.034.926	410.203.898.665
21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	356.564.689.667	330.003.071.653
	356.564.689.667	330.003.071.653
22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	603.085.822	63.264.624
Cổ tức, lợi nhuận được chia	55.612.573	52.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.536.615.197	2.366.631.786
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	27.074.574
	2.195.313.592	2.508.970.984

TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GÓM XÂY DỰNG**Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn**

Khu Công nghiệp Tiên Sơn - tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	27.926.082.583	21.217.793.385
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.915.649.982	8.173.103.464
Chi phí tài chính khác	10.707.101	768.201.122
	35.852.439.666	30.159.097.971

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
1a. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	21.204.856.335	19.549.613.027
Các khoản điều chỉnh giảm	55.612.573	52.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	55.612.573	52.000.000
1b. Thu nhập chịu thuế TNDN	21.149.243.762	19.497.613.027
Trong đó:		
2. Thu nhập chịu thuế theo mức thuế suất 25%	20.985.536.155	19.497.613.027
3. Thuế TNDN tính theo mức thuế suất 25%, (3)=(2)x25%	5.246.384.039	4.874.403.257
4. Thu nhập chịu thuế theo mức thuế suất 28% (là thu nhập của năm 2008 theo biên bản kiểm tra thuế)	163.707.607	-
5. Thuế TNDN tính theo mức thuế suất 28%: (5)=(4)x28%	45.838.130	-
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành, (6)=(3)+(5)	5.292.222.169	4.874.403.257
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	5.352.523.259	2.327.658.299
Thuế TNDN đã nộp trong năm	3.595.101.719	1.849.538.297
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	7.049.643.709	5.352.523.259

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	15.912.634.166	14.675.209.770
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.912.634.166	14.675.209.770
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.630.411	4.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.400	3.261

Thông tin về hoạt động liên tục hoặc những thông tin khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp:

TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GÓM XÂY DỰNG**Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn**

Khu Công nghiệp Tiên Sơn - tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2010	Năm 2009
		VND	VND
Doanh thu bán hàng			
- Tổng Công ty Viglacera	Công ty mẹ	15.105.628.071	155.403.970
- C.ty CP Thương Mại Viglacera	Thành viên TCT	1.630.703.660	142.974.749
- C.ty Gạch men Viglacera Thăng Long	Thành viên TCT	1.045.289.784	774.335.484
- C.ty ĐT phát triển Hạ Tầng Viglacera	Thành viên TCT	7.947.168	2.696.923
- C.ty CP Khoáng sản Viglacera	Thành viên TCT	-	92.431.535
- C.ty CP VLCL Cầu Đuống	Thành viên TCT	-	1.906.490
- C.ty CP Bao Bì Má Phanh Viglacera	Thành viên TCT	-	232.027.191
- C.ty CP Viglacera Hà Nội	Thành viên TCT	402.710.875	-
- C.ty CP Việt Trì Viglacera	Thành viên TCT	73.164.800	-
- C.ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	Thành viên TCT	281.416	-
Mua hàng			
- C.ty CP Viglacera Hà Nội	Thành viên TCT	49.030.000	142.974.749
- C.ty CP Bao Bì Má Phanh Viglacera	Thành viên TCT	2.689.700.770	774.335.484
- C.ty Gạch men Viglacera TL	Thành viên TCT	1.985.605.531	2.696.923
- C.ty CP Nguyên liệu Viglacera	Thành viên TCT	4.734.003.628	92.431.535
- C.ty CP VLCL Cầu Đuống	Thành viên TCT	97.654.000	1.906.490
- C.ty ĐT phát triển Hạ Tầng Viglacera	Thành viên TCT	1.149.792.769	232.027.191
- Trường trung cấp nghề Viglacera	Thành viên TCT	6.400.000	-
Điều chuyển TSCĐ			
- C.ty CP Cơ khí và XD Viglacera	Thành viên TCT	91.619.586	-
- Tổng Công ty Viglacera	Công ty mẹ	39.925.568	

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2010	31/12/2009
		VND	VND
Phải thu			
Tài khoản 131			
- Tổng Công ty Viglacera	Công ty mẹ	1.943.651.956	692.325.855
- C.ty CP Thương Mại Viglacera	Thành viên TCT	24.288.011	-
- C.ty CP Đầu tư XNK Viglacera	Thành viên TCT	24.938.887	124.834.913
Tài khoản 136			
- Tổng Công ty Viglacera	Công ty mẹ	11.574.865.062	17.984.894.867
Tài khoản 1388			
- C.ty CP Cơ khí và XD Viglacera	Thành viên TCT	-	239.481.227
- C.ty Gạch men Viglacera Thăng Long	Thành viên TCT	561.054.051	899.835.440
- C.ty CP Viglacera Hà Nội	Thành viên TCT	2.010.023.439	1.628.161.542
- C.ty Sen Vòi Viglacera	Thành viên TCT	222.972.593	222.972.593

TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GÓM XÂY DỰNG**Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn**

Khu Công nghiệp Tiên Sơn - tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Phải trả

Tài khoản 331

- C.ty CP Cơ khí và XD Viglacera	Thành viên TCT	-	3.057.810.513
- C.ty CP Bao Bì Má Phan Viglacera	Thành viên TCT	1.497.501.543	2.264.179.857
- C.ty CP Nguyên liệu Viglacera	Thành viên TCT	2.012.298.857	1.038.459.242
- C.ty ĐT phát triển Hạ Tầng Viglacera	Thành viên TCT	145.456.378	2.533.613.118
- Trường trung cấp nghề Viglacera	Thành viên TCT	-	5.000.000

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được [Công ty AASC kiểm toán](#).

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Đã trình bày trên</u>
		VND	báo cáo năm trước
			VND
Bảng Cân đối kế toán			
- Nợ ngắn hạn	310	253.211.159.149	253.209.559.149
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	1.600.000	-
- Vốn chủ sở hữu	400	65.673.535.988	65.675.135.988
- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	1.600.000

Lập, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

Ngô Thị Thảo

Ngô Trọng Toán

Nguyễn Thế Vinh

TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GÓM XÂY DỰNG**Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn**

Khu Công nghiệp Tiên Sơn - tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Phụ lục 1 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	83.160.483.818	220.512.382.184	6.437.685.909	715.734.045	-	310.826.285.956
Số tăng trong kỳ	28.938.667.749	85.883.992.421	1.136.686.828	1.155.727.292	2.314.943.030	119.430.017.320
- Mua trong kỳ	-	3.017.536.179	-	-	-	3.017.536.179
- Đầu tư XD CB hoàn thành	27.554.090.554	82.014.245.878	1.136.686.828	323.801.257	-	111.028.824.517
- Tăng khác	1.384.577.195	852.210.364	-	831.926.035	2.314.943.030	5.383.656.624
Số giảm trong kỳ	1.871.420.669	1.812.906.438	-	547.693.269	443.522.360	4.675.542.736
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	1.871.420.669	1.812.906.438	-	547.693.269	443.522.360	4.675.542.736
Số dư cuối kỳ	110.227.730.898	304.583.468.167	7.574.372.737	1.323.768.068	1.871.420.670	425.580.760.540
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	18.001.380.193	86.652.641.828	5.238.841.353	694.573.729	-	110.587.437.103
Số tăng trong kỳ	4.256.443.778	19.834.180.913	723.518.097	135.356.528	658.121.240	25.607.620.556
- Khấu hao trong kỳ	4.256.443.778	19.834.180.913	723.518.097	132.624.528	411.839.501	25.358.606.817
- Tăng khác	-	-	-	2.732.000	246.281.739	249.013.739
Số giảm trong kỳ	269.749.383	59.115.491	-	-	-	328.864.874
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	269.749.383	59.115.491	-	-	-	328.864.874
Số cuối kỳ	21.988.074.588	106.427.707.250	5.962.359.450	829.930.257	658.121.240	135.866.192.785
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	65.159.103.625	133.859.740.356	1.198.844.556	21.160.316	-	200.238.848.853
Tại ngày cuối kỳ	88.239.656.310	198.155.760.917	1.612.013.287	493.837.811	1.213.299.430	289.714.567.755

- Công ty tạm ghi nhận giá trị TSCĐ tăng trong kỳ là 110.528.635.652 đồng từ chi phí đầu tư xây dựng cơ bản tập hợp được trên tài khoản 241 - dự án Nhà máy Thái Bình; Tổng giá trị tài sản, việc phân loại và giá trị khấu hao có thể thay đổi theo giá trị Quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành được cấp thẩm quyền phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GÓM XÂY DỰNG**Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn**

Khu Công nghiệp Tiên Sơn - tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Phụ lục 2 : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	45.000.000.000	9.151.177.887	-	1.439.585.090	239.930.848	136.930.848	928.689.671
Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	171.544.639	192.572.516	-	14.675.209.770
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	5.428.689.671
Giảm khác	-	-	705.889.989	-	-	80.000.000	47.525.621
Số dư cuối kỳ trước	45.000.000.000	9.151.177.887	(705.889.989)	1.611.129.729	432.503.364	56.930.848	10.127.684.149
Tăng vốn trong kỳ này	54.000.000.000	7.020.000.600	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	15.912.634.166
Tăng khác	-	-	819.736.175	2.806.688.792	733.760.489	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	4.500.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	56.930.848	5.683.296.722
Số dư cuối kỳ này	99.000.000.000	16.171.178.487	113.846.186	4.417.818.521	1.166.263.853	-	15.857.021.593